

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101705 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671041107	36CCĐ4	Hu ấ nh T n An	12/10/1993				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
2	3671041109	36CCĐ4	Nguy n ấ nh Công	10/02/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
3	3671041178	36CCĐ4	Nguy n C ấ ng Danh	23/08/1993				5.0			5.0	1.5	3.8	2.7	4.2	
4	3671041123	36CCĐ4	Ph m Thanh Danh	01/11/1994				5.0			5.0	1.5	3.3	2.3	3.8	
5	3671041140	36CCĐ4	Nguy n Kh ấ nh Duy	13/04/1994				4.0			4.0	1.2	2.8	2.0	3.2	
6	3671041132	36CCĐ4	Tr n Quang Đ ấ g	27/12/1993				5.0			5.0	1.5	6.3	4.4	5.9	
7	3671041950	36CCĐ4	Lê Hoàng ấ c	25/03/1994				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
8	3671041496	36CCĐ4	Ho ấ ng V ấ nh ấ c	13/06/1994				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
9	3671041994	36CCĐ4	Nguy n Ph ấ c H u	21/06/1994				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
10	3671041141	36CCĐ4	Nguy n V ấ nh H u	10/07/1994				4.0			4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
11	3671041197	36CCĐ4	ấ ng V ấ nh Hi n	11/03/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
12	3671041173	36CCĐ4	Nguy n Quang Hi u	28/03/1994				5.0			5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
13	3671041475	36CCĐ4	Nguy n Trung Hi u	11/11/1994				4.0			4.0	1.2	5.3	3.7	4.9	
14	3671041087	36CCĐ4	ấ ng Th ấ i Hòa	01/06/1994				4.0			4.0	1.2	4.8	3.4	4.6	
15	3671042030	36CCĐ4	ấ Thanh Hùng	02/10/1994				7.0			7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
16	3671041457	36CCĐ4	Vi V ấ nh H ng	09/02/1989				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
17	3671041100	36CCĐ4	Nguy n ấ c Kiên	14/02/1991				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	N HP
18	3671041079	36CCĐ4	B ấ i Tu n Ki t	07/11/1994				4.0			4.0	1.2	6.5	4.6	5.8	
19	3671041047	36CCĐ4	Nguy n Tr ng K ấ m	22/04/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101705 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
20	3671041460	36CCĐ4	Tr n ấ c	Khánh	10/05/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
21	3671041167	36CCĐ4	Tr nh Hu ấ nh Qu c	Khánh	02/09/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
22	3671041170	36CCĐ4	ấ ng Anh	Khoa	09/03/1992				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
23	3671041144	36CCĐ4	Nguy n V ấ O	Linh	12/08/1994				5.0			5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
24	3671041218	36CCĐ4	Tr n Kh ấ nh	Minh	31/10/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
25	3671041244	36CCĐ4	Nguy n V ấ Nh	Ngh ấ	15/02/1993				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	N HP
26	3671041209	36CCĐ4	B ấ i Quang	Nh ấ	20/07/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
27	3671042012	36CCĐ4	Ph m V ấ Nh	Pháp	15/10/1993				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
28	3671041073	36CCĐ4	L² V ấ Nh	Phú	14/08/1994				4.0			4.0	1.2	1.8	1.3	2.5	
29	3671041155	36CCĐ4	Nguy n Thanh	Ph ng	17/06/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
30	3671041053	36CCĐ4	Ngô Minh	Quang	25/02/1993				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
31	3671041036	36CCĐ4	L² Th	Quý	1994				5.0			5.0	1.5	5.8	4.1	5.6	
32	3671041293	36CCĐ4	Lê Minh	Tân	26/07/1994				5.0			5.0	1.5	6.3	4.4	5.9	
33	3671042048	36CCĐ4	L² V ấ Nh	Ti n	28/01/1993				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
34	3671041533	36CCĐ4	Ng ấ V ấ Nh	Ti p	06/02/1993				7.0			7.0	2.1	2.8	2.0	4.1	
35	3671041208	36CCĐ4	Nguy n H ng	Toàn	26/11/1992				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
36	3671041192	36CCĐ4	Nguy n H u	Toàn	04/08/1993				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
37	3671041520	36CCĐ4	Châu Hoàng	Tu n	02/10/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
38	3671041202	36CCĐ4	Phan S	Tú	28/02/1994				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ4 Nñ h c : 2012-2013 ã VHT : 2
H ãT : H c ph n : 122067101705 - V t lĩ L i c ng 2 H c km : HK02
(30,0,0,0,0,0)

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671041078	36CCĐ4	Nguy n Vñh Túc	1994				4.0			4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
40	3671041171	36CCĐ4	VHQL¬C»ng Thành	26/09/1993				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
41	3671041148	36CCĐ4	V½Vñh Th ch	14/03/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
42	3671041180	36CCĐ4	L² Chi n Th ng	26/11/1994				5.0			5.0	1.5	2.3	1.6	3.1	
43	3671041531	36CCĐ4	V½Th Ho»ng Y n	09/07/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP

T ng s : 43 h c sinh sinh vi²n Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi" o Vi²n B M»n Gi" o V Khoa